

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 29/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hoàng Nghiệp;

Ông Đặng Tấn Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020, đối với:

Bị cáo **Nguyễn Văn H (Hải T)**, sinh năm 1986 tại A, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; vợ: Lâm Ngọc H, có con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2019 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 2000; Cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Huỳnh Quốc A, sinh năm 1995; Cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1993; Cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984; Cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bào chữa: Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H là Luật sư Lê Hùng T - Công ty Luật TNHH MTV Lâm Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 10/8/2019, Công an xã K, huyện A, tỉnh An Giang tuần tra trên tuyến lộ giao thông nông thôn trên địa bàn xã. Khi đến khu vực tổ 5, ấp A, xã K phát hiện Nguyễn Văn H (Hải T), sinh năm 1986 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ trắng, biển số 1HT – 5360 (biển số Campuchia) không đội mũ bảo hiểm, liền ra tín hiệu cho H dừng phương tiện lại để kiểm tra, khi dừng phương tiện thì H bỏ chạy để lại xe mô tô do H điều khiển, nên lực lượng Công an xã K tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định tạm giữ phương tiện.

Sau đó, tiến hành kiểm tra xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ trắng, biển số 1HT – 5360 do Hải điều khiển, qua kiểm tra phát hiện bên trong cốp xe có 01 ví da màu đen, bên trong ví da có giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn H và kiểm tra bọc khăn giấy màu trắng xanh ghi dòng chữ Tempo để ở ba ga trước xe mô tô, phát hiện bên trong bọc khăn giấy có 02 bọc nylon trong suốt có rãnh khóa chứa tinh thể màu trắng (nghi ma túy) nên tiến hành thu giữ.

Căn cứ kết quả giám định tại các Kết luận giám định số 158/KLGT – PC09 (MT) ngày 22 tháng 8 năm 2019, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

Tinh thể màu trắng trong 02 (hai) bọc nylon trong suốt một đầu có rãnh khóa chứa tinh thể trắng (tất cả để trong 01 phong bì), được niêm phong có in hình dấu tròn đỏ của Công an xã K, huyện A, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên: Nguyễn Chí D, Lê Quốc T, Huỳnh Công T, Nguyễn Thanh N, Trương Văn C, Huỳnh Văn P gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 2,2310 gam (hai phẩy hai ba một không gam).

Ngày 12/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn H (Hải T), về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” để điều tra, xác minh làm rõ. Trong quá trình điều tra, H khi còn nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Thanh C, Huỳnh Quốc A và Huỳnh Văn V.

Ngày 18/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Văn H (Hải T), về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” để điều tra xử lý theo quy định.

Tại cơ quan Cơ quan điều tra, bị can Nguyễn Văn H (Hải T), khai nhận: Trưa ngày 10/8/2019, Hải điều khiển xe mô tô 1HT – 5360 (biển số Campuchia) từ nhà ấp K, xã K, huyện A đến khu vực đường dẫn cầu Long Bình mua 02 bọc ma túy của người đàn ông tên V sinh sống ở Campuchia (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với giá 500.000 đồng đem về sử dụng và bán lại cho những người có nhu cầu sử dụng. Mua ma túy xong, H cất giấu ma túy bên trong bọc khăn giấy ở ba ga trước của xe mô tô rồi điều khiển xe về nhà, khi đi đến khu vực ấp A, xã K bị lực lượng Công an ra tín hiệu dừng phương tiện kiểm tra, thì H bỏ chạy để lại xe mô tô cùng 02 bọc ma túy vừa mua trước đó và các giấy tờ tùy thân của H trong cốp xe. Đến ngày 12/10/2019, H đang lẩn trốn tại khu vực ấp Q, xã Q, huyện A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A phát hiện và bắt giữ.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 phong bì niêm phong có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Đăng K, Huỳnh Văn P; bên trong có mẫu vật còn lại sau khi giám định, khối

lượng 2,231gam; 01 giấy chứng minh nhân dân số 351703646 tên Nguyễn Văn H; 01 giấy phép lái xe số 890053006212 hạng A1 và 01 giấy phép lái xe số 890128001395, hạng B2 cùng mang tên Nguyễn Văn H do Sở giao thông vận tải An Giang cấp; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044169, biển số 67G1- 575.55 mang tên Nguyễn Văn C; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 045052, biển số 67AL – 093.27 mang tên Trần Văn C; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ trắng, biển số 01HT – 5360 cùng giấy đăng ký xe ngôn ngữ nước ngoài.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định, vật chứng thu giữ trong vụ án.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKSAP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố Nguyễn Văn H (Hải T) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251; các điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) tù.

Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự để xử lý vật chứng theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến tranh luận:

Thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt. Tuy nhiên, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất theo mức đề nghị của Viện kiểm sát do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo hoàn cảnh gia đình nghèo, bản thân đang trực tiếp nuôi hai con còn nhỏ (do đã li hôn); trên thực tế, bị cáo từng giúp cơ quan chức năng tại địa phương trong việc đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất lời bào chữa của Luật sư.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có điều kiện sớm trở về chăm sóc con còn nhỏ.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người

tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng những người nêu trên.

[3] Về tội danh và mức hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi nhiều lần mua ma túy để sử dụng và bán cho các đối tượng nghiện ma túy khác nhằm mục đích kiếm lời; lời khai bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng trong vụ án; Kết luận giám định và các chứng cứ khác thu giữ trong hồ sơ. Từ đó, đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Văn H đã có hành vi mua ma túy nhằm mục đích bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác để thu lời, khối lượng chất ma túy thu giữ được là 2,231gam loại Methamphetamine; đồng thời bị cáo cũng đã tự khai báo nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, sau khi bị phát hiện bị cáo đã bỏ trốn cho đến khi Cơ quan điều tra bắt giữ.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết tăng nặng định khung theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Ma túy là vấn nạn của toàn xã hội, ma túy làm suy kiệt sức khỏe, kinh tế gia đình. Người sử dụng ma túy sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thần kinh, gây rối loạn nhận thức, làm chủ hành vi, nhiều trường hợp sử dụng ma túy đã gây ra nhiều hệ lụy như vi phạm pháp, phá tán tài sản, thậm chí tử vong.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, hành vi của bị cáo không chỉ nguy hiểm cho xã hội mà còn trực tiếp gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương nên cần có mức án nghiêm, đúng pháp luật nhằm giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khai báo cá hành vi phạm tội trước đó, bị cáo là thành phần lao động nghèo nên có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp; tuy nhiên, thấy rằng, bị cáo từng giúp cơ quan chức năng trong việc đấu tranh, phòng chống tội phạm ma túy; bị cáo đã chủ động giao nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính, đang trực tiếp nuôi hai con nhỏ (do đã li hôn) nên cần giảm nhẹ mức hình phạt như lời bào chữa của vị Luật sư, nhằm để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt, sớm về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng, làm người có ích nhưng cũng đủ sức giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như quan điểm đề nghị vị Kiểm sát viên là có căn cứ, xét chấp nhận.

Đối với đối tượng tên Vi đã bán ma túy cho H do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A hiện đang tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định.

[5] Vật chứng vụ án:

01 (một) phong bì niêm phong có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Đăng K, Huỳnh Văn P; bên trong có mẫu vật còn lại sau khi giám định, khối lượng 2,1593 gam là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ trắng, biển số 01HT – 5360 cùng giấy đăng ký xe ngôn ngữ nước ngoài là phượng tiện phạm tội nhưng chưa làm rõ chủ sở hữu nên tiếp tục giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra truy tìm chủ sở hữu để xử lý theo quy định.

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 351703646 tên Nguyễn Văn H; 01 (một) giấy phép lái xe số 890053006212 hạng A1 và 01 (một) giấy phép lái xe số 890128001395, hạng B2 cùng mang tên Nguyễn Văn H do Sở giao thông vận tải An Giang cấp là giấy tờ cá nhân nên trả lại cho bị cáo.

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044169, biển số 67G1- 575.55 mang tên Nguyễn Văn C là giấy tờ cá nhân nên trả lại cho ông C.

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 045052, biển số 67AL – 093.27 mang tên Trần Văn C là giấy tờ cá nhân nhưng chưa được làm rõ nên giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định.

Đối với số tiền thu lợi 700.000 đồng từ việc mua bán ma túy là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo phải nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 251; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54; các Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng các Điều 106, Điều 136, Điều 260, Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2019.

Biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Đăng K, Huỳnh Văn P; bên trong có mẫu vật còn lại sau khi giám định, khối lượng 2,1593 gam.

Giao Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp tục quản lý, truy tìm chủ sở hữu 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Sport, màu đỏ trắng, biển số 01HT – 5360 cùng giấy đăng ký xe ngôn ngữ nước ngoài để xử lý theo quy định.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 351703646 tên Nguyễn Văn H; 01 (một) giấy phép lái xe số 890053006212 hạng A1 và 01 (một) giấy phép lái xe số 890128001395, hạng B2 cùng mang tên Nguyễn Văn H do Sở giao thông vận tải An Giang cấp.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn C: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 044169, biển số 67G1- 575.55 mang tên Nguyễn Văn C.

Tiếp tục thu giữ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 045052, biển số 67AL – 093.27 mang tên Trần Văn C và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/3/2020 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Phú).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng). Bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000579 ngày 21/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tiếp tục thu giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2020), bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (01);
- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi

